



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Thành viên của PrimeGlobal

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIAO
DỤC TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**
Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023 đã được soát xét.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 395/QĐ-TC ngày 29/03/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000258 ngày 02/04/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400463362) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/11/2021.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 06/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 65/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là DAE.

Vốn điều lệ: 14.986.800.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2023: 14.986.800.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam là 29,41%.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 39 Trịnh Đình Thảo, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (84) 0236.3797971-3797975 Fax: (84) 0236.3797971
- Website: www.sachgiaoduc.com

Ngành nghề kinh doanh chính

- Xuất bản sách. Chi tiết: Liên kết xuất bản sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý mua bán và ký gửi hàng hóa;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn các loại văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng;
- Quảng cáo thương mại
- In ấn và phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ tranh ảnh, đĩa CD room và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất và kinh doanh các loại văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục;
- Dịch vụ photocopy;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp các sản phẩm có liên quan đến chức năng hoạt động của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 30/06/2023 là 22 người, trong đó, cán bộ quản lý là 10 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|--------------------------|----------|--|
| • Ông Tô Thanh Bình | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 20/04/2019 |
| • Ông Lý Xuân Hoàn | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 20/04/2019 |
| • Ông Phạm Văn Hải | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 26/04/2022 |
| • Bà Nguyễn Thị Minh Tâm | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 20/04/2019
Miễn nhiệm ngày 28/04/2023 |
| • Ông Nguyễn Duy Nhâm | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 28/04/2020
Miễn nhiệm ngày 28/04/2023 |
| • Ông Ông Thừa Phú | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 28/04/2023 |
| • Ông Lê Diêm Hùng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 28/04/2023 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|-------------------------|------------|--|
| • Ông Đặng Công Đức | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 20/04/2019 |
| • Bà Đặng Thị Trang | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 20/04/2019 |
| • Bà Phan Thị Hàn Phong | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 20/04/2019
Miễn nhiệm ngày 28/04/2023 |
| • Ông Trần Đàm Nhiệm | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 28/04/2023 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|--------------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Lý Xuân Hoàn | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 20/04/2019 |
| • Ông Phạm Văn Hải | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/12/2020 |
| • Ông Hồ Văn Lĩnh | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 16/01/2022 |
| • Bà Nguyễn Thị Minh Tâm | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 20/04/2019 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2023 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lý Xuân Hoàn

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 08 năm 2023



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: <http://www.aac.com.vn>

Số: 914/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập ngày 07/08/2023 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023 và Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2023 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Phương Lan - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy Chứng nhận kiểm toán: 0396-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 08 năm 2023

■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 3, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

■ Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		43.025.229.303	34.874.787.750
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	5.949.155.962	5.471.841.616
1. Tiền	111		5.949.155.962	5.471.841.616
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.699.517.428	3.971.408.400
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.a	5.694.064.105	5.694.064.105
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6.a	(2.994.546.677)	(3.722.655.705)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	2.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.770.531.195	7.359.755.055
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	15.103.986.819	7.791.574.934
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	47.500.000	4.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	276.024.246	221.159.991
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(656.979.870)	(656.979.870)
IV. Hàng tồn kho	140	11	18.246.427.822	16.748.653.500
1. Hàng tồn kho	141		18.913.148.385	17.415.374.063
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(666.720.563)	(666.720.563)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.359.596.896	1.323.129.179
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	1.102.127.726	985.798.934
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	257.469.170	337.330.245
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.989.869.204	12.303.578.283
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		11.326.340.879	8.504.956.971
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	2.998.195.195	1.677.211.287
- Nguyên giá	222		6.368.889.200	2.671.293.081
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.370.694.005)	(994.081.794)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	8.328.145.684	6.827.745.684
- Nguyên giá	228		8.328.145.684	6.827.745.684
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	2.998.663.742
- Nguyên giá	231		-	2.998.663.742
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6.b	593.390.084	593.390.084
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		593.390.084	593.390.084
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		70.138.241	206.567.486
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	70.138.241	206.567.486
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		55.015.098.507	47.178.366.033

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ				
I. Nợ ngắn hạn	300		13.806.429.340	8.058.836.950
1. Phải trả người bán ngắn hạn	310		13.797.429.340	8.049.836.950
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	311	15	7.904.821.774	5.549.501.637
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	312	16	772.374.047	225.361.150
4. Phải trả người lao động	313	17	275.049.067	57.592.429
5. Phải trả ngắn hạn khác	314		1.860.885.307	1.043.052.713
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	319	18.a	2.852.056.121	573.458.220
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	320		-	-
	322		132.243.024	600.870.801
II. Nợ dài hạn	330		9.000.000	9.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	18.b	9.000.000	9.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		41.208.669.167	39.119.529.083
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	41.208.669.167	39.119.529.083
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	14.986.800.000	14.986.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		14.986.800.000	14.986.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	19	2.859.726.199	2.859.726.199
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	19	2.953.724.516	2.953.724.516
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	20.408.418.452	18.319.278.368
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	19	18.319.278.368	16.168.219.680
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	19	2.089.140.084	2.151.058.688
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		55.015.098.507	47.178.366.033



Lý Xuân Hoàn

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 08 năm 2023

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Tâm

Người lập biểu

Trần Trọng Hiếu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2023 VND	6 tháng đầu năm 2022 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	29.037.771.135	40.507.687.050
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	427.093.792	1.484.858.505
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		28.610.677.343	39.022.828.545
4. Giá vốn hàng bán	11	23	20.447.925.150	27.440.747.778
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		8.162.752.193	11.582.080.767
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	157.211.934	1.271.059.310
7. Chi phí tài chính	22	25	(637.178.375)	3.593.614.772
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	1.568.238
8. Chi phí bán hàng	25	26.a	2.848.424.235	2.846.549.778
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.b	3.354.078.304	3.451.977.277
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.754.639.963	2.960.998.250
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.754.639.963	2.960.998.250
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	565.499.879	589.449.570
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.189.140.084	2.371.548.680
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	1.169	1.266
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	28	1.169	1.266



Lý Xuân Hoàn

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 08 năm 2023

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Tâm

Người lập biểu

Trần Trọng Hiếu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	6 tháng đầu năm 2023 VND	6 tháng đầu năm 2022 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	22.140.035.868	34.846.426.221
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(19.008.406.466)	(34.229.403.105)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.587.928.250)	(3.577.184.342)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	-	(1.568.238)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	-	(121.862.541)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	405.390.824	2.290.730.092
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.628.989.564)	(1.169.620.274)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.679.897.588)	(1.962.482.187)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	2.000.000.000	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27 24	157.211.934	85.099.808
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.157.211.934	85.099.808
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	2.352.356.488
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(2.352.356.488)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(1.798.416.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(1.798.416.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	477.314.346	(3.675.798.379)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60 5	5.471.841.616	7.335.545.821
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 5	5.949.155.962	3.659.747.442



Lý Xuân Hoàn

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 08 năm 2023

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Tâm

Người lập biểu

Trần Trọng Hiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 395/QĐ-TC ngày 29/03/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000258 ngày 02/04/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400463362) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/11/2021.

Vốn điều lệ: 14.986.800.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2023 của Công ty là 14.986.800.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 29,41% vốn điều lệ.

1.1. Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất bản và phát hành sách.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách. Chi tiết: Liên kết xuất bản sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý mua bán và ký gửi hàng hóa;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn các loại văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng;
- Quảng cáo thương mại
- In ấn và phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ tranh ảnh, đĩa CD room và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất và kinh doanh các loại văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục;
- Dịch vụ photocopy;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp các sản phẩm có liên quan đến chức năng hoạt động của Công ty.

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Riêng Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023 (bắt đầu từ ngày 01/01/2023 và kết thúc ngày 30/06/2023).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ bị giảm so với giá trị ghi sổ.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, được xác định như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh đối với một số tài sản cố định là Phương tiện vận tải và Thiết bị dụng cụ quản lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải	3 - 5
Thiết bị dụng cụ quản lý	1, 5 - 2

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.10 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.11 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.12 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.13 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi tiền vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.14 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.15 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.16 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với lịch block; 5% đối với các loại từ điển và sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa; Các mặt hàng sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, khoản phải trả người bán và phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát (trực tiếp hoặc gián tiếp) hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	30/06/2023	01/01/2023
Tiền mặt	9.423.218	98.572.996
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.939.732.744	5.373.268.620
Cộng	<u>5.949.155.962</u>	<u>5.471.841.616</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Đầu tư tài chính a. Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2023		01/01/2023					
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu niêm yết	522.920	5.694.064.105	2.699.517.428	2.994.546.677	522.920	5.694.064.105	1.971.408.400	3.722.655.705
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	522.920	5.694.064.105	2.699.517.428	2.994.546.677	522.920	5.694.064.105	1.971.408.400	3.722.655.705
Cộng	522.920	5.694.064.105	2.699.517.428	2.994.546.677	522.920	5.694.064.105	1.971.408.400	3.722.655.705

(i) Chứng khoán kinh doanh được đánh giá lại theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá giao dịch trên thị trường. Theo đó, đối với các chứng khoán hiện niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán thì giá thị trường là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Đầu tư tài chính dài hạn

30/06/2023

01/01/2023

Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số lượng Cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
- Công ty CP Bàn đồ & Tranh ảnh Giáo dục (ECI) (i)	0,01%	94	1.086.084	-	2.359.400	1.086.084	-	1.880.000
- Công ty CP In PHS và TBTH Quảng Nam (ii)	7,50%	33.750	242.304.000	-	-	242.304.000	-	-
- Công ty CP DV XB Giáo dục tại Đà Nẵng (ii)	8,76%	35.000	350.000.000	-	-	350.000.000	-	-
Cộng			593.390.084	-	-	593.390.084	-	-

(i) Giá trị hợp lý của cổ phiếu ECI được xác định theo giá đóng cửa của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(ii) Các cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của chúng tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023 của các Công ty nhận đầu tư này đều có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, không phát sinh dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2023	01/01/2023
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	278.035.335	1.200.541.750
Công ty Cổ phần Phát hành Sách Giáo dục	1.084.912.920	736.989.510
Nhà sách Yển Công	2.211.285.408	1.055.220.178
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Thanh Hoa	593.521.790	725.918.990
Công ty TNHH Song Ty	1.444.843.560	4.340.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	1.265.536.815	390.019.319
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Nam Cường	1.198.708.500	5.483.060
Các đối tượng khác	7.027.142.491	3.673.062.127
Cộng	15.103.986.819	7.791.574.934

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2023	01/01/2023
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Công ty đầu tư	-	18.713.200
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung thành viên HĐQT	1.265.536.815	390.019.319
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung thành viên HĐQT	278.035.335	1.200.541.750
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư	23.592.000	-
Cộng		1.567.164.150	1.609.274.269

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Công ty CP Chứng khoán Rồng Việt - Chi nhánh Hà Nội	38.500.000	-
Các đối tượng khác	9.000.000	4.000.000
Cộng	47.500.000	4.000.000

9. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	156.500.000	-	213.500.000	-
Phải thu khác	119.524.246	-	7.659.991	-
Cộng	276.024.246	-	221.159.991	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2023	01/01/2023
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	656.979.870	656.979.870
- Từ 3 năm trở lên	377.689.002	377.689.002
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	164.607.828	164.607.828
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	-
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	114.683.040	114.683.040
Cộng	656.979.870	656.979.870

11. Hàng tồn kho

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.343.403.463	-	5.743.364.677	-
Chi phí SX, KD dở dang	1.263.580.398	-	1.041.079.082	-
Thành phẩm	12.306.164.524	666.720.563	10.630.930.304	666.720.563
Cộng	18.913.148.385	666.720.563	17.415.374.063	666.720.563

- Không có hàng tồn kho dùng cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản nợ phải trả vào ngày 30/06/2023.

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	4.736.365
Thuế GTGT không được khấu trừ phân bổ cho hàng tồn kho	930.437.569	930.437.569
Chi phí khác	171.690.157	50.625.000
Cộng	1.102.127.726	985.798.934

b. Dài hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Chi phí tổ chức bàn thảo	70.138.241	206.567.486
Cộng	70.138.241	206.567.486

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	1.435.358.791	38.850.000	1.039.493.381	157.590.909	2.671.293.081
Chuyển từ BĐS đầu tư	3.697.596.119	-	-	-	3.697.596.119
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	5.132.954.910	38.850.000	1.039.493.381	157.590.909	6.368.889.200
Khấu hao					
Số đầu kỳ	156.225.625	38.850.000	641.415.260	157.590.909	994.081.794
Khấu hao trong năm	65.654.430	-	111.625.404	-	177.279.834
Chuyển từ BĐS đầu tư	2.199.332.377	-	-	-	2.199.332.377
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	2.421.212.432	38.850.000	753.040.664	157.590.909	3.370.694.005
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	1.279.133.166	-	398.078.121	-	1.677.211.287
Số cuối kỳ	2.711.742.478	-	286.452.717	-	2.998.195.195

(*) Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/NQ-DAEBCO ngày 28/04/2023, Công ty có chủ trương xây dựng văn phòng làm việc và văn phòng cho thuê tại cơ sở 78 Pasteur.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2023 là 565.994.290 đồng.

14. Tài sản cố định vô hình

Các tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài, cụ thể:

- Tại 78 Pasteur, Thành phố Đà Nẵng, nguyên giá: 1.500.400.000 đồng.
- Tại 39 Trịnh Đình Thảo, Thành phố Đà Nẵng, nguyên giá: 6.827.745.684 đồng.

Công ty không trích khấu hao đối với các tài sản cố định vô hình này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Công ty TNHH Lộc Thịnh Phát	80.803.609	1.014.115.894
Công ty CP Tập đoàn ECI	554.314.800	-
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.906.677.620	3.670.227.600
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	507.727.500	147.745.950
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	953.274.766	92.144.566
Các đối tượng khác	3.902.023.479	625.267.627
Cộng	7.904.821.774	5.549.501.637

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

Mối quan hệ	30/06/2023	01/01/2023	
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư	953.274.766	92.144.566
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư	29.377.000	-
Cộng	982.651.766	92.144.566	

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	730.711.840	-
Trường Trung học cơ sở Ninh Hải	-	10.015.000
Nhà sách Quảng Văn Hải	-	8.085.000
Các đối tượng khác	41.662.207	207.261.150
Cộng	772.374.047	225.361.150

17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	-	57.592.429	2.069.353	57.592.429	-	2.069.353
Thuế thu nhập doanh nghiệp	292.520.165	-	565.499.879	-	-	272.979.714
Thuế thu nhập cá nhân (Vãng lai)	1.694.912	-	28.172.660	42.097.772	15.620.024	-
Thuế thu nhập cá nhân	25.931.024	-	98.870.000	301.900.014	228.961.038	-
Các loại thuế khác	17.184.144	-	4.296.036	-	12.888.108	-
Phí và lệ phí	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	337.330.245	57.592.429	701.907.928	404.590.215	257.469.170	275.049.067

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Kinh phí công đoàn	20.642.545	55.671.478
Chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán	369.933.547	38.889.620
Chi phí tổ chức bàn thảo	2.267.758.260	340.440.000
Cổ tức phải trả	9.255	9.255
Phải trả khác	193.712.514	138.447.867
Cộng	2.852.056.121	573.458.220

b. Dài hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Tiền ký cược của các Nhà sách	9.000.000	9.000.000
Cộng	9.000.000	9.000.000

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2022	14.986.800.000	2.859.726.199	2.810.320.604	17.966.635.680
Tăng trong năm	-	-	143.403.912	2.868.078.249
Giảm trong năm	-	-	-	2.515.435.561
Số dư tại 31/12/2022	14.986.800.000	2.859.726.199	2.953.724.516	18.319.278.368
Số dư tại 01/01/2023	14.986.800.000	2.859.726.199	2.953.724.516	18.319.278.368
Tăng trong kỳ	-	-	-	2.189.140.084
Giảm trong kỳ	-	-	-	100.000.000
Số dư tại 30/06/2023	14.986.800.000	2.859.726.199	2.953.724.516	20.408.418.452

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2023	01/01/2023
Vốn góp của Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	4.407.610.000	4.407.610.000
Vốn góp của các cổ đông khác	10.579.190.000	10.579.190.000
Cộng	14.986.800.000	14.986.800.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	30/06/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.498.680	1.498.680
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.498.680	1.498.680
- Cổ phiếu phổ thông	1.498.680	1.498.680
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.498.680	1.498.680
- Cổ phiếu phổ thông	1.498.680	1.498.680
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	18.319.278.368	17.966.635.680
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay	2.189.140.084	2.868.078.249
Phân phối lợi nhuận	100.000.000	2.515.435.561
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	1.798.416.000
- Trả cổ tức cho các cổ đông	-	1.798.416.000
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	100.000.000	717.019.561
- Quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ	-	143.403.912
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	200.765.477
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	100.000.000	372.850.172
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	20.408.418.452	18.319.278.368

Công ty phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/NQ-DAEBCO ngày 28/04/2023.

e. Cổ tức

Theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/NQ-DAEBCO ngày 28/04/2023 của Công ty, cổ tức năm 2022 được trả bằng cổ phiếu với tỷ lệ 12% vốn điều lệ. Ngày 21/07/2023 Công ty đã thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (12% vốn điều lệ) và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (16,5%/ vốn điều lệ). Ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền: 09/08/2023.

20. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	30/06/2023	01/01/2023
Nợ khó đòi đã xử lý	107.291.300	107.291.300
+ Công ty In - Phát hành sách và Thiết bị Quảng Ngãi	107.291.300	107.291.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Doanh thu sách tham khảo, sách hỗ trợ	28.217.530.891	39.103.594.250
Doanh thu bán đồ, tranh ảnh giáo dục	814.497.030	1.404.092.800
Doanh thu khác	5.743.214	-
Cộng	29.037.771.135	40.507.687.050

22. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Chiết khấu thương mại	335.722.832	699.354.635
Hàng bán bị trả lại	91.370.960	785.503.870
Cộng	427.093.792	1.484.858.505

23. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Giá vốn sách tham khảo, sách hỗ trợ	19.071.742.684	25.444.691.236
Giá vốn bán đồ, tranh ảnh giáo dục	729.644.817	1.263.878.600
Giá vốn hoạt động khác	5.694.341	-
Thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ	640.843.308	732.177.942
Cộng	20.447.925.150	27.440.747.778

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	116.711.934	2.699.408
Cổ tức, lợi nhuận được chia	40.500.000	82.400.400
Lãi từ đầu tư chứng khoán kinh doanh	-	1.185.959.502
Cộng	157.211.934	1.271.059.310

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Chi phí lãi vay	-	1.568.238
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	90.168.226	153.822.024
Phí bán chứng khoán kinh doanh	-	13.912.904
Lỗ từ bán chứng khoán kinh doanh và khoản đầu tư dài hạn	-	627.224.301
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	(728.109.028)	2.797.087.305
Chi phí tài chính khác	762.427	-
Cộng	(637.178.375)	3.593.614.772

26. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Tiền lương và các khoản trích theo lương	2.038.763.442	1.890.882.565
Chi phí khấu hao	111.625.404	111.625.404
Chi phí vận chuyển sách và bốc vác	312.323.962	392.462.292
Chi phí thuê kho	283.272.729	310.909.092
Tuyên truyền, quảng cáo	102.438.698	140.670.425
Cộng	2.848.424.235	2.846.549.778

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Tiền lương, tiền ăn ca và các khoản trích theo lương	1.755.536.036	1.739.918.842
Khấu hao TSCĐ	65.654.430	122.463.726
Sửa chữa thường xuyên, công cụ dụng cụ	49.277.274	65.460.520
Giao dịch, hội nghị	503.549.675	654.894.042
Chi phí khác	980.060.889	869.240.147
Cộng	3.354.078.304	3.451.977.277

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.754.639.963	2.960.998.250
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	16.640.734	(13.750.400)
- Điều chỉnh tăng	57.140.734	68.650.000
+Thù lao HĐQT không tham gia điều hành	57.000.000	68.650.000
+Chi phí không được trừ khác	140.734	-
- Điều chỉnh giảm (cổ tức nhận được)	40.500.000	82.400.400
Tổng thu nhập chịu thuế	2.771.280.697	2.947.247.850
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	565.499.879	589.449.570
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	554.256.139	589.449.570
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm này	11.243.740	-

28. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.189.140.084	2.371.548.680
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(437.828.017)	(474.309.736)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ ban điều hành) (*)	437.828.017	474.309.736
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.751.312.067	1.897.238.944
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.498.680	1.498.680
Lãi cơ bản/ lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.169	1.266

(*) Nghị quyết đại hội đồng cổ đông đã thông qua kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khen thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành năm 2023 là 20% lợi nhuận sau thuế.

29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.851.662.415	7.924.205.656
Chi phí nhân công	3.794.299.478	3.630.801.407
Chi phí khấu hao tài sản cố định	177.279.834	234.089.130
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.869.452.247	12.657.670.290
Chi phí khác bằng tiền	550.407.127	876.369.777
Cộng	17.243.101.101	25.323.136.260

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh các sản phẩm giáo dục và bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

31. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất, rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không có giao dịch và số dư ngoại tệ, các khoản vay phát sinh nhỏ và được trả trong thời gian ngắn; hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản, đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, khả năng thanh toán kịp thời. Đối với các khoản nợ quá hạn thanh toán Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để có nguồn bù đắp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	7.904.821.774	-	7.904.821.774
Phải trả khác	2.831.413.576	9.000.000	2.840.413.576
Cộng	10.736.235.350	9.000.000	10.745.235.350

01/01/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	5.549.501.637	-	5.549.501.637
Phải trả khác	517.786.742	9.000.000	526.786.742
Cộng	6.067.288.379	9.000.000	6.076.288.379

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.949.155.962	-	5.949.155.962
Đầu tư tài chính	2.699.517.428	593.390.084	3.292.907.512
Phải thu khách hàng	14.447.006.949	-	14.447.006.949
Phải thu khác	119.524.246	-	119.524.246
Cộng	23.215.204.585	593.390.084	23.808.594.669

01/01/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.471.841.616	-	5.471.841.616
Đầu tư tài chính	3.971.408.400	593.390.084	4.564.798.484
Phải thu khách hàng	7.134.595.064	-	7.134.595.064
Phải thu khác	7.659.991	-	7.659.991
Cộng	16.585.505.071	593.390.084	17.178.895.155

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam tại TP.Đà Nẵng	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hà Nội	Chung thành viên HĐQT
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung thành viên HĐQT

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Mua hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP.Đà Nẵng	Phí QLXB,thuê kho	1.614.700.200	1.093.699.894
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hà Nội	Mua sách tham khảo	6.531.613.750	9.201.058.670
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Mua Sách giáo khoa	456.734.520	424.437.200
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Mua sách tham khảo	31.799.000	71.927.771

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Bán hàng			
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hà Nội	Cung ứng sách	6.409.107.335	7.725.905.900
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Cung ứng sách	2.149.959.536	5.760.007.336
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Cung ứng sách	2.422.000	8.763.850
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Cung ứng sách	239.995.430	28.150.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Giao dịch với các cán bộ quản lý chủ chốt

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương của Ban Tổng Giám đốc như sau:

	Chức danh	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Thù lao hội đồng quản trị			
Ông Tô Thanh Bình	Chủ tịch HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Ông Thừa Phú	Ủy viên HĐQT	5.000.000	-
Ông Lý Xuân Hoàn	Ủy viên HĐQT	21.000.000	21.000.000
Ông Phan Văn Hải	Ủy viên HĐQT	18.000.000	6.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Tâm	Ủy viên HĐQT	12.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Duy Nhân	Ủy viên HĐQT	10.000.000	15.000.000
Ông Lê Diêm Hùng	Ủy viên HĐQT	5.000.000	-
Ông Nguyễn Vũ Thanh Bình	Thư ký HĐQT	10.500.000	9.000.000
Thù lao Ban kiểm soát			
Ông Đặng Công Đức	Trưởng Ban Kiểm soát	9.000.000	9.000.000
Bà Đặng Thị Trang	Ủy viên BKS	6.000.000	6.000.000
Bà Phan Thị Hàn Phong	Ủy viên BKS	4.000.000	6.000.000
Ông Trần Đàm Nhiệm	Ủy viên BKS	2.000.000	-
Tiền lương đã chi Ban giám đốc			
Ông Lý Xuân Hoàn	Giám đốc	275.124.400	374.912.800
Ông Phan Văn Hải	Phó Giám đốc	201.418.600	249.794.200
Ông Hồ Văn Linh	Phó Giám đốc	198.965.000	198.237.200

33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 21/07/2023 Công ty đã thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (12% vốn điều lệ) và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (16,5%/ vốn điều lệ). Ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền: 09/08/2023.

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022. Các Báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Lý Xuân Hoàn

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 08 năm 2023

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Tâm

Người lập biểu

Trần Trọng Hiếu



Trụ sở chính tại Đà Nẵng

Lô 78-80, Đường 30/4,
Tp. Đà Nẵng, Việt Nam
Tel : +(84-236) 3655 886
Fax: +(84-236) 3655 887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Lầu 4, Tòa nhà Hoàng Đan
47-49 Hoàng Sa, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +(84-28) 3910 2235
Fax: +(84-28) 3910 2349
Email: aac.hcm@aac.vnn.vn

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 6, tòa nhà Việt Á
Số 09 Duy Tân, Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +(84-24) 3224 2403
Fax: +(84-24) 3224 2402
Email: aac.hn@aac.com.vn

Thành viên

